

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

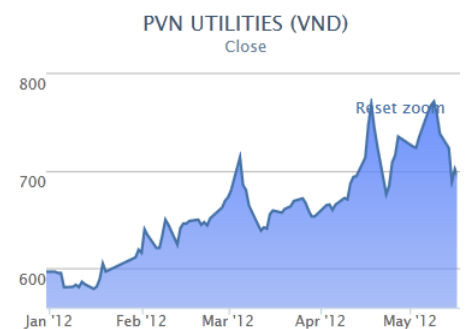


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	835.62	↓20.69	↓ -2.42
PVN All-Share Continuous	698.75	↓ -15.8	↓ -2.21
PVN All-Share	679.55	↓ -14.91	↓ -2.15
PVN All-Share HSX	713.15	↓ -16.55	↓ -2.27
PVN All-Share HNX	638.9	↓ -13.66	↓ -2.09
PVN Vật Liệu Cơ Bản	976.81	↓ -28.99	↓ -2.88
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	880.28	↓ -21.13	↓ -2.34
PVN Tài Chính	660.41	↓ -10.96	↓ -1.63
PVN Công Nghiệp	543.65	↓ -17.88	↓ -3.18
PVN Dầu Khí	646.8	↓ -15.41	↓ -2.33
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	712.32	↑ 14.81	↑ 2.12

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)
Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	429.20 ↓	-6.14	-1.41%
KLGD (triệu ck)	48.18 ↓	-0.67	-1.38%
GTGD (tỷ đồng)	732.03 ↓	-41.25	-5.33%
Tổng cung (triệu ck)	102.52 ↓	-54.75	-34.81%
Tổng cầu (triệu ck)	116.27 ↓	-50.61	-30.33%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.53 ↓	-1.62	-38.98%
KL bán (triệu ck)	1.00 ↓	-1.15	-53.37%
Giá trị mua (tỷ đồng)	96.13 ↓	-19.01	-16.51%
Giá trị bán (tỷ đồng)	28.38 ↓	-42.56	-59.99%

Nhận định thị trường:

Số liệu của Ủy ban châu Âu công bố ngày 30/5 cho thấy, chỉ số niềm tin kinh tế khu vực đồng euro trong tháng 5 giảm từ 92,9 điểm (trong tháng 4) xuống 90,6 điểm.

Ủy ban châu Âu (EC) vừa đề xuất sử dụng số tiền hỗ trợ các Chính phủ để trực tiếp giải cứu các ngân hàng khó khăn. EC cũng hối thúc sự hội nhập hơn nữa thông qua “liên minh ngân hàng” Eurozone và việc áp dụng cơ chế bảo vệ tiền gửi thống nhất nhằm đảm bảo sự an toàn cho người gửi tiền. Sự việc này diễn ra sau khi 3 ngân hàng của Tây Ban Nha đã đồng ý sáp nhập lại với nhau nhằm tăng cường thanh khoản trong bối cảnh các ngân hàng nước này chật vật đối phó với các khoản nợ xấu có trị giá lên đến hàng tỉ USD.

Tính đến giữa tháng 5, tín dụng vẫn tăng trưởng âm khoảng 1%. Trong khi đó, lãi suất cho vay qua đêm trên thị trường liên ngân hàng xuống mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây và trạng thái giao dịch thấp cho thấy các NHTMCP không còn huy động trên thị trường này. Cùng với đó, các ngân hàng cũng đang gặp thách thức khi phát hành trái phiếu quốc tế trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô còn bất ổn.

Thiếu thông tin hỗ trợ, sức mua trên hai sàn vẫn rất yếu. Phiên giảm mạnh ngày hôm nay cho thấy bên nắm giữ cổ phiếu bắt đầu mất kiên nhẫn. NĐT nên tiếp tục giảm tỷ lệ cổ phiếu nếu VN-index giảm phá vỡ 430 điểm trong phiên sắp tới, và HNX-Index phá vỡ hỗ trợ ngắn hạn tại 73,5 điểm.

Công Ty CPCK Dầu khí

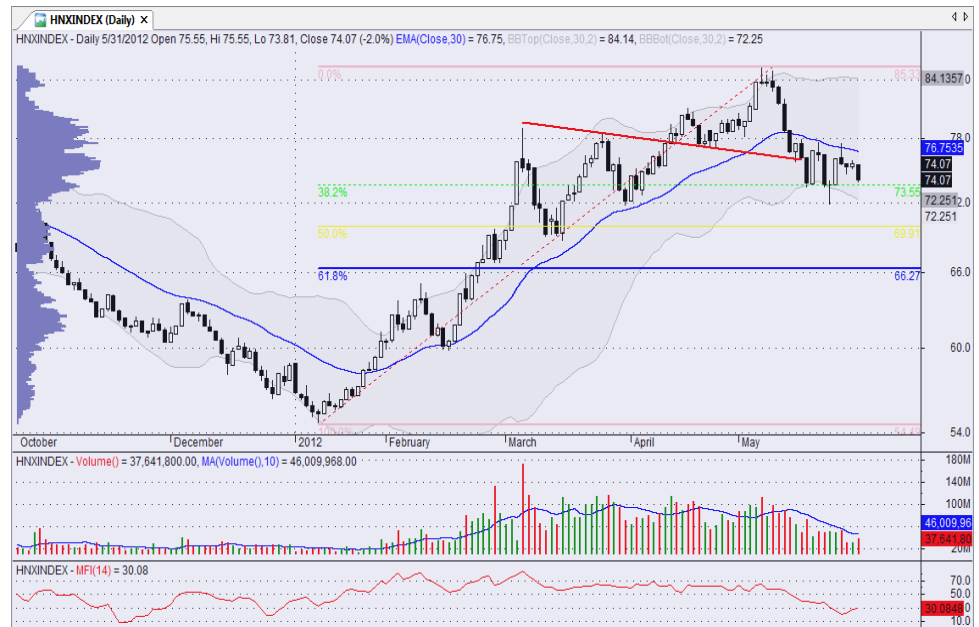
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	74.07 ↓	-1.55	-2.05%
KLGD (triệu ck)	44.14 ↑	11.77	36.37%
GTGD (tỷ đồng)	437.12 ↑	91.31	26.41%
Tổng cung (triệu ck)	71.23 ↑	5.33	8.09%
Tổng cầu (triệu ck)	60.50 ↓	-2.08	-3.32%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.79 ↑	0.19	31.49%
KL bán (triệu ck)	0.90 ↑	0.55	155.18%
Giá trị mua (tỷ đồng)	13.22 ↑	5.25	65.90%
Giá trị bán (tỷ đồng)	12.87 ↑	8.30	181.91%

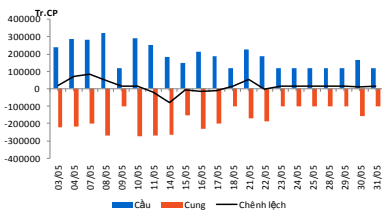
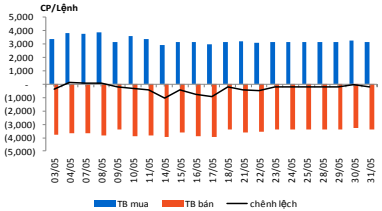
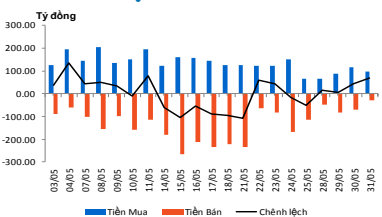
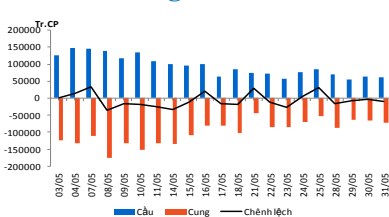
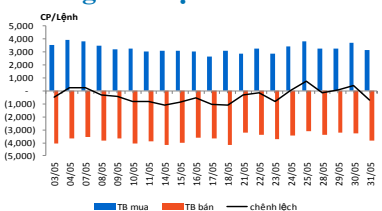
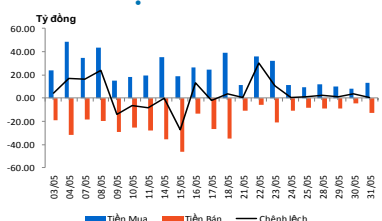
Nhận định thị trường:*Đồ thị HNX-Index.*

Trạng thái phục hồi trong tuần qua tỏ ra khá yếu ớt cho thấy sức mua trên sàn HNX chưa quay trở lại trong bối cảnh thiếu hụt các thông tin hỗ trợ. HNX-Index vẫn đang trong xu thế giảm.

Mô hình có nguy cơ hình thành: FLAG (mô hình lá cờ) nếu HNX-Index tiếp tục giảm phá vỡ 73,5 điểm. Nếu hình thành mô hình trung gian xu thế giảm này thì khoảng giảm tiếp theo của HNX-Index có nguy cơ về vùng 66 điểm.

Thanh khoản vẫn duy trì rất thấp. Các công cụ dòng tiền thể hiện trạng thái tiêu cực khi dao động trong vùng Quá Bán mà không có sự phục hồi mạnh trở lại.

HNX-Index có nguy cơ hình thành mô hình lá cờ trung gian xu thế giảm. Mô hình này sẽ chính thức hình thành chỉ với một phiên giảm mạnh nữa và nếu HNX-Index phá vỡ 73,5 điểm. Khi đó, chỉ số có nguy cơ giảm mạnh về vùng 66 điểm nếu không có thông tin hỗ trợ mạnh cho thị trường. NĐT nên thực hiện bán ra nếu HNX-Index tiếp tục giảm phá vỡ 73,5 điểm trong phiên sắp tới.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Sau khoảng 15 phút mở cửa, với áp lực giảm từ nhóm bluechips, VN-Index rớt 3.5 điểm, tức 0.8% xuống 431.84 điểm. Thống kê có khoảng 94 mã giảm giá, 24 mã tăng và 41 mã giao dịch tham chiếu. Tuy nhiên, số lượng giảm sàn không quá nhiều. Thị trường vẫn có những mã tăng trần với lực cầu áp đảo như SBS, CSG, VPK... Tuy nhiên, giao dịch vẫn rất thấp với hơn 1.8 triệu đơn vị, tương đương 23.3 tỷ đồng.

Lượng cung giá thấp đã tăng lên đáng kể vào buổi chiều nhưng vẫn không thu hút người mua. Kết quả là thị trường giảm mạnh với thanh khoản vẫn ở mức thấp. VN-Index có lúc giảm về sát mốc 428 điểm, nhưng cuối phiên thu hẹp đà giảm, lên lại 429.2 điểm, tức vẫn giảm đến 1.41% (6.14 điểm) so với tham chiếu. SJS, VSH là hai mã tăng giá ít ỏi trong rổ VN30, cùng với đó MSN, PNJ vượt lên được mốc tham chiếu. Cả sàn chỉ có 9 mã tăng trần trong tổng số 49 mã tăng giá và có đến 73 mã giảm sàn cùng 145 mã khác giảm giá.

Lực cầu vẫn yếu ớt, kỳ vọng về lực cầu bắt đáy không xuất hiện. Do vậy, thanh khoản tiếp tục giảm so với các phiên trước, chỉ còn 48 triệu đơn vị, tương đương 732 tỷ đồng.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Chỉ số có lúc giảm về 75 điểm, nhưng được đẩy lên lại. Sau 15 phút, HNX-index tạm rơi 0.59 điểm, tương ứng 0.78% xuống 75.03 điểm. Giao dịch đạt khá hơn HOSE, với 3.6 triệu đơn vị, tương đương 29 tỷ đồng. Thị trường vẫn khá tiêu cực với 84 mã giảm, 18 mã tăng và 297 mã đứng yên.

Kết thúc phiên giao dịch buổi sáng, HNX-Index mất đến 1.25 điểm, tức 1.65% xuống 74.37 điểm. Thị trường ghi nhận 194 mã giảm giá, với 54 mã giảm sàn. Hầu hết mã vốn hóa lớn đến giảm từ 2% đến khoảng 4% và dư bán lên đến hàng triệu đơn vị. Lực cầu hết sức thận trọng và treo ở mức giá thấp nên thanh khoản cũng chỉ đạt vồn vện 24 triệu đơn vị, tương đương 229 tỷ đồng. PVX, VND, SCR, KLS, HBB là những mã có giao dịch khoảng trên dưới 1 triệu đơn vị.

Cuối phiên, HNX-Index giảm mạnh 1.55 điểm, tức 2.05% xuống 74.07 điểm. Giao dịch đạt hơn 44 triệu đơn vị, nhưng trị giá chỉ khoảng 437 tỷ đồng, tăng khá mạnh so với phiên trước.

Toàn sàn ghi nhận đến 70 mã giảm sàn, 142 mã giảm giá. Ở chiều ngược lại có 18 tăng trần và 27 mã xanh nhẹ.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 27 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 4 cổ phiếu tăng giá, 4 cổ phiếu đứng giá và 19 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PCG (tăng 5,88%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PTL (giảm 5,00%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,62% và tổng khối lượng giao dịch đạt 9,818 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 31/05:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,400.0	300	↑ 5.88	0.47	14.59	HNX
2	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,500.0	141,300	↓ -3.51	0.32	0.54	HNX
3	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	22,800.0	553,100	↓ -3.80	1.87	1.52	HNX
4	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	12,600.0	73,500	↓ -3.08	1.17	7.97	HNX
5	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,500.0	-	→ 0.00	0.50	3.04	HNX
6	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,400.0	134,700	↓ -5.26	0.53	N/A	HNX
7	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	16,300.0	228,237	↓ -2.98	0.97	2.44	HNX
8	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	11,900.0	145,920	→ 0.00	2.08	5.43	HNX
9	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	13,500.0	413,600	↓ -2.17	0.87	9.71	HNX
10	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	19,200.0	162,062	↑ 0.52	0.82	9.70	HNX
11	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,600.0	27,156	→ 0.00	0.63	3.10	HNX
12	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	16,300.0	1,080,003	↓ -2.40	1.38	4.36	HNX
13	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,700.0	3,059,339	↓ -3.00	0.43	3.65	HNX
14	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	37,200.0	269,030	↓ -1.59	3.00	11.92	HSX
15	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33,700.0	700,610	↓ -2.88	2.02	5.44	HSX
16	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,600.0	36,600	↓ -1.78	1.27	3.36	HSX
17	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,500.0	226,630	↑ 2.41	0.73	6.20	HSX
18	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,500.0	249,160	↓ -2.34	0.71	3.08	HSX
19	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	36,000.0	10	↑ 3.45	1.76	5.08	HSX
20	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5,700.0	263,650	↓ -5.00	0.56	4.42	HSX
21	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	35,900.0	132,990	↓ -1.64	1.21	7.05	HSX
22	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	12,700.0	937,260	↓ -2.31	1.12	16.08	HSX
23	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,700.0	479,640	↓ -5.00	0.58	51.82	HSX
24	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,100.0	256,340	↓ -4.05	0.68	4.73	HSX
25	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,600.0	61,200	↓ -1.49	0.60	3.44	HSX
26	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,400.0	145,170	↓ -1.72	0.86	3.42	HSX
27	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,800.0	40,570	→ 0.00	0.62	4.47	HSX
28	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
29	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
30	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
31	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	22,200	21,600	-2.70	29,296,374
ASM	15,800	15,100	-4.43	24,101,638
DPM	34,700	33,700	-2.88	23,815,628
CSM	25,300	24,100	-4.74	20,191,983
EIB	18,400	18,300	-0.54	19,561,948

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	12,100	11,500	-4.96	38,879
SCR	15,000	14,300	-4.67	33,936
PVX	10,000	9,700	-3.00	29,902
PVV	6,700	6,300	-5.97	23,860
KLS	11,000	10,600	-3.64	22,470

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
CAD	1,000	1,100	100	10.00
CSG	10,300	10,800	500	4.85
FBT	11,100	11,600	500	4.50
SVI	22,500	23,500	1,000	4.44
VPK	13,500	14,100	600	4.44

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VMC	18,800	20,100	1,300	6.91
NSN	4,400	4,700	300	6.82
LM7	4,500	4,800	300	6.67
SDE	9,000	9,600	600	6.67
MHL	6,200	6,600	400	6.45

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,600	1,500	-100	-6.25
PVT	6,000	5,700	-300	-5.00
PTL	6,000	5,700	-300	-5.00
RDP	10,100	9,600	-500	-4.95
TAC	61,500	58,500	-3,000	-4.88

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VCC	8,600	8,000	-600	-6.98
BHV	14,400	13,400	-1,000	-6.94
DHT	33,600	31,300	-2,300	-6.85
CKV	8,800	8,200	-600	-6.82
MAX	10,300	9,600	-700	-6.80

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VCF	39,305	BVH	4,306
PNJ	8,263	STB	3,441
DPM	5,668	VIC	2,859
BVH	4,626	DPM	2,405
GAS	3,752	REE	1,841

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DBC	5,720	PVS	4,906
PVS	2,619	VND	2,320
VND	2,325	AAA	1,028
PGS	774	VNR	871
PMC	198	VDL	741

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339